

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2018/HSST

Ngày: 10/ 4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1) Ông Ngô Văn Tuyên.

2) Ông Nguyễn Văn Kiểm.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng. Chức vụ: Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thuỳ Nguyên. Chức vụ: Kiểm sát viên .

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:15/2018/HSST, ngày 15/3/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình T.** Tên gọi khác: S; Sinh năm: 1994; tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn) 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình Q và bà Đặng Thị C; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 31/12/2017 hiện đang bị tạm giam (Có mặt).

* Người bị hại: anh Trịnh Đức X; sinh năm 1971.

Nơi ĐKKHKT: Khối 10, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

* Nguyên đơn dân sự: Hợp tác xã Q

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Đ; sinh năm 1963; Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Km 49, quốc lộ A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Văn V; sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị Bảo T1; sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn P3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

2. Ông Lê C1; sinh năm 1956

Địa chỉ: Khố 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Ông Viên Đình C2; sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 10, xã Ea Rôk, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

4. Ông Lê Minh K; sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 16/9/2017 Nguyễn Đình T điều khiển xe mô tô biển số 47K7 - 2919 đi từ thôn 10, xã E về nhà, khi đến ngã ba Km 47- Quốc lộ A, T thấy xe ô tô taxi Q1 biển số 47A-190.80 do anh Trịnh Đức X điều khiển đang đứng trả khách. T cho rằng xe ô tô cản trở đường đi của mình nên dừng xe lại gây sự đòi đánh anh X và dùng đá ném nhiều cái vào phần sau xe ô tô 47A -190.80 làm vỡ hoàn toàn kính ộp sau, móp hông về sau phụ và móp cản sau của xe ô tô 47A-190.80. Sau đó T bỏ đi và để lại xe mô tô 47K7-2919.

Tại bản kết luận định giá số 78/KL-HĐĐG ngày 26/9/2017 của Hội đồng định giá huyện K kết luận:

- 01 kính ộp sau, có giá trị là 10.243.000 đồng.
- 01 vết móp hông về sau phụ, có giá trị là 1.100.000 đồng.
- 01 vết móp cản sau, có giá trị là 1.100.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản được định giá tại thời điểm bị xâm hại ngày 16/9/2017 là 12.443.000 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng*)

Cáo trạng số 23/CT-VKS-HS ngày 13/3/2018 của VKSND huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 143 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Đình T khai: Chiều tối ngày 16/9/2017 bị cáo điều khiển xe mô tô đi từ thôn 10, xã E về nhà, khi đến ngã ba

Km 47 - Quốc lộ A, bị cáo thấy xe ô tô taxi Q1 cản trở đường đi của bị cáo, nên bị cáo dùng đá ném nhiều cái vào phần sau xe ô tô 47A-190.80 làm vỡ hoàn toàn kính ốp sau, mốp hông về sau phụ và mốp cản sau của xe ô tô 47A-190.80, sau đó bị cáo bỏ đi.

Đại diện VKSND huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 143 BLHS, điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ Luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc, đã trả xe ô tô biển số 47A-190.80, hiệu Toyota Innova cho Hợp tác xã Q, trả xe mô tô số máy VTT39JL1P52FMH018050, số khung RRKWCH2UMAXG18050 cho chị Phạm Thị Bảo T1 là chủ sở hữu.

Đối với biển số xe 47K7-2919 qua tra cứu mang tên anh Viên Đình C2, nhưng anh C2 không nhận do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các cục đá loại 4 x 6 cm mà Nguyễn Đình T sử dụng làm phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 586, 588 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc Nguyễn Đình T có trách nhiệm bồi thường cho Hợp tác xã Q số tiền 12.443.000 đồng

Đối với Lê Minh K mua xe ô tô 47K7-2919 của một người bán phế liệu (chưa rõ lai lịch) để sử dụng, sau đó cho T mượn. K không biết T điều khiển xe mô tô đi thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan cảnh sát điều tra công huyện Krông Pắc không xử lý K là phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Đình T không tranh luận lại với đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện

kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

[3] Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa khẳng định, bản cáo trạng số 23/CT-VKS-HS ngày 13/3/2018 của VKSND huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Đình T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 143 BLHS.

Như vậy, HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ ngày 16/9/2017 tại ngã ba Km 47-Quốc lộ A, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Đình T có hành vi dùng đá ném vào xe ô tô 47A-190.80 do anh Trịnh Đức X điều khiển, gây thiệt hại 12.443.000 đồng, hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 143 BLHS.

Điều 143 BLHS quy định:

1. “*Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác gây thiệt hại từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*”

Vận dụng điều luật nêu trên đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật. Qua đó giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Bị cáo Nguyễn Đình T là người có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống. Bị cáo biết rằng tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều bị pháp luật hình sự trừng trị, nhưng với bản chất côn đồ hung hãn và xem thường tài sản người khác nên bị cáo đã thực hiện hành vi làm hư hỏng tài sản của Hợp tác xã Q. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của Hợp tác xã Q, mà còn xâm phạm đến tình hình trật tự trị an của địa phương,

gây bức xúc trong dư luận. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét khi quyết định đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo gây thiệt hại đối với tài sản của Hợp tác xã Q giá trị là 12.443.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường, trong quá trình điều tra đại diện theo uỷ quyền của Hợp tác xã Q yêu cầu bị cáo bồi thường, nên cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 12.443.000 đồng cho Hợp tác xã Q.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc, đã trả xe ô tô biển số 47A-190.80, hiệu Toyota Innova cho Hợp tác xã Q, trả xe mô tô số máy VTT39JL1P52FMH018050, số khung RRKWCH2UMAXG18050 cho chị Phạm Thị Bảo T1 là các chủ sở hữu là hợp pháp nên cần chấp nhận.

Đối với biển số xe 47K7-2919 qua tra cứu mang tên anh Viên Đình C2, nhưng anh C2 không nhận do vậy không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các cục đá loại 4 x 6cm mà Nguyễn Đình T khai đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với Lê Minh K mua xe ô tô 47K7-2919 của một người bán phế liệu (chưa rõ lai lịch) để sử dụng, sau đó cho T mượn. K không biết T điều khiển xe mô tô đi thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc không xử lý K là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Krông Pắc thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng đối với bị cáo. HĐXX xét thấy phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội: “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 143 năm 1999; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T 01 năm (một) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/12/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T có trách nhiệm bồi thường cho Hợp tác xã Q số tiền 12.443.000 đồng (*Mười hai triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc, đã trả xe ô tô biển số 47A-190.80, hiệu Toyota Innova cho Hợp tác xã Q, trả xe mô tô số máy VTT39JL1P52FMH018050, số khung RRKWCH2UMAXG18050 cho chị Phạm Thị Bảo T1 là các chủ sở hữu.

Tịch thu tiêu hủy biển số xe 47K7-2919 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/4/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí HSST và 622.150đ (*Sáu trăm hai mươi hai nghìn một trăm năm mươi đồng*) tiền án phí DSST.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Hiền

